| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH T** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2025/HS-ST
Ngày 04-3-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Loan;

Ông Nguyễn Ngọc Tuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 124/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn C** - sinh năm 1990 tại T; Nơi cư trú: B Đại lộ L, phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Hoàng Thị C1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con.

Nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh T xử 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2024 đến ngày 29/11/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**2. Đào Duy H** - sinh năm 1994 tại T; Nơi cư trú: Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Số nhà B H, phố H, phường Đ, thành phố T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Diệu H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; bị cáo có vợ là Đào Ngọc H2 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2024 đến ngày 29/11/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ngô Linh P, sinh năm 1992 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà A H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
2. Chị Dương Thị S1, sinh năm 1982 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà C H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
3. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1995 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà E H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
4. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số nhà G N, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
5. Anh Trần Văn N1, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà C P, phường N, thành phố T, tỉnh T.
6. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà B N, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.
7. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà A N, phường N, thành phố T, tỉnh T.
8. Chị Lê Thị H4, sinh năm 1967 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà E D, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi, Lê Văn C thoả thuận với Đào Duy H, C sử dụng tiền cá nhân cho một số người dân trên địa bàn thành phố T vay, với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng lãi suất 109,5%/năm vượt quá 5,475 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất cao nhất là 20%/năm), H là người trực tiếp đi thu tiền gốc, lãi của các khách vay cho C, mỗi tháng C trả công cho H 5.000.000 đồng.

C và H thống nhất với khách vay, khi cho vay C thu lãi và tiền gốc trong ngày đầu tiên, khách vay sẽ trả tiền gốc trong 50 ngày, tuy nhiên trong quá trình vay một số khách vay sẽ trả hết tiền gốc trước thời hạn 50 ngày nhưng tiền lãi vẫn giữ nguyên như hai bên đã thỏa thuận ban đầu. Từ tháng 02/2024 đến tháng 11/2024 hành vi phạm tội của Lê Văn C, Đào Duy H cụ thể như sau:

1. Lê Văn C, Đào Duy H cho chị Ngô Linh P, sinh năm 1992, trú tại 1 H, phường Đ, thành phố T vay 04 gói:

Gói thứ nhất: Ngày 08/02/2024, C và H cho chị P vay số tiền 10.000.000đ trong vòng 50 ngày, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, C, H thu trước tiền lãi là 1.500.000đ, trong đó số tiền lãi thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: 273.973đ, số tiền đã thu lợi bất chính là: 1.226.027đ. Chị P đã trả hết tiền gốc của gói vay này.

Gói thứ 2: Ngày 06/5/2024, C và H cho chị P vay số tiền 10.000.000đ trong vòng 50 ngày lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, C, H thu trước tiền lãi là 1.500.000đ, trong đó số tiền lãi thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: 273.973đ, số tiền đã thu lợi bất chính là: 1.226.027đ. Chị P đã trả hết tiền gốc của gói vay này.

Gói thứ 3: Ngày 07/7/2024, C và H cho chị P vay 10.000.000đ trong vòng 50 ngày lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, C, H thu trước tiền lãi là 1.500.000đ, trong đó số tiền lãi thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: 273.973đ, số tiền đã thu lợi bất chính là: 1.226.027đ. Chị P đã trả hết tiền gốc của gói vay này.

Gói thứ 4: Ngày 04/11/2024, C và H cho chị P vay số tiền 10.000.000 đồng trong vòng 50 ngày, C và H đã thu trước tiền lãi là 1.500.000đ trong đó số tiền lãi thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: 273.973đ, số tiền đã thu lợi bất chính là: 1.226.027đ. Tính đến ngày bị phát hiện chị P đã trả được 3.400.000 đồng tiền gốc của gói vay. Quá trình điều tra chị P đã trả hết số tiền gốc của gói vay này cho C và H.

C, H sử dụng tiền gốc của gói vay thứ nhất để cho chị P vay lại ở các gói vay sau nên số tiền gốc các bị can sử dụng để cho chị P vay là 10.000.000đ; tổng số tiền lãi các bị can đã thu được là 6.000.000đ. Trong đó số tiền lãi thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.095.890đ; số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 4.904.110đ

2. Chị Dương Thị S1, sinh năm 1982, trú tại 0 H, phường Đ, thành phố T vay 04 gói vay thăm của C và H. Cụ thê:

Gói thứ nhất: Ngày 21/07/2024, chị S1 vay của C và H số tiền 10.000.000 đồng, trong vòng 50 ngày, mỗi ngày thu 200.000 đồng tiền gốc. C, H thu trước tiền lãi là 1.500.000đ, trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định: 219.178 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.280.822 đồng. Chị S1 đã trả hết tiền gốc của gói vay trên trong vòng 40 ngày.

Gói thứ 2: Ngày 30/08/2024, chị S1 vay tiếp của C và H số tiền 10.000.000 đồng, cùng hình thức và lãi suất như trên. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 1.500.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định: 219.178 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.280.822 đồng. Chị S1 trả hết tiền lãi, gốc cho C và H trong vòng 40 ngày.

Gói thứ 3: Ngày 10/10/2024, chị S1 vay tiếp của C và H số tiền 10.000.000 đồng, cùng hình thức và lãi suất như trên. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 1.500.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 219.178 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.280.822 đồng. Chị S1 trả hết tiền lãi, gốc cho C và H trong vòng 40 ngày.

Gói thứ 4: Ngày 19/11/2024, chị S1 vay tiếp của C và H số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày thu 300.000đ trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 2.250.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 410.959 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.839.040đ. Tính đến ngày bị phát hiện thì chị S1 mới trả được 600.000 đồng tiền gốc của gói vay trên. Quá trình điều tra, chị S1 đã trả hết tiền gốc của gói vay này cho C và H.

Lê Văn C và Đào Duy H sử dụng tiền của gói vay thứ nhất để cho chị tiếp các gói vay sau nên số tiền gốc mà C và H sử dụng cho chị S1 vay là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.750.000 đồng, số tiền lãi Sáu vay được phép thu theo quy định: 1.068.493đồng, thu lời bất chính 5.681.507 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị Vân A – SN 1995, trú tại 0 H, P. Đ, TP . vay tổng cộng 04 gói vay thăm với lãi suất từ 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất từ 109,5%/năm, vượt quá từ 5,475 lần so với mức lãi suất tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự gồm:

Gói thứ nhất: Ngày 02/03/2024, chị Vân A vay của C và H số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày thu 200.000đ trong vòng 50 ngày. Khi cho vay C và H thu trước tiền lãi là 1.500.000đ (trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định: 273.973 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.226.027 đồng), chị Vân A đã trả hết tiền gốc của gói vay trên.

Gói thứ hai: Ngày 01/5/2024, chị Vân A vay tiếp của C và H số tiền 10.000.000 đồng, cùng hình thức và lãi suất như trên. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 1.500.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 273.973 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.226.027 đồng. Chị Vân A trả hết tiền gốc của gói vay trên.

Gói thứ ba: Ngày 03/7/2024, chị Vân A vay tiếp của C và H số tiền 10.000.000 đồng, cùng hình thức và lãi suất như trên. C và H đã thu trước số tiền lãi là 1.500.000đ, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định: 273.973 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.226.027 đồng. Chị Vân A trả hết tiền gốc của gói vay trên.

Gói thứ tư: Ngày 04/11/2024, chị Vân A vay tiếp của C và H số tiền 10.000.000 đồng cùng hình thức và lãi suất như trên. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 1.500.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 273.973đ số tiền thu lời bất chính: 1.226.027đ. Tính đến ngày bị phát hiện thì gói vay trên được 3.400.000đ. Quá trình điều tra chị Vân A đã trả hết tiền gốc của gói vay này cho C và H.

Lê Văn C và Đào Duy H sử dụng tiền của gói vay thứ nhất để cho chị Vân A vay tiếp các gói vay sau nên số tiền gốc mà C và H sử dụng cho chị P vay là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 6.000.000đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định: 1.095.890 đồng, thu lời bất chính: 4.904.110 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984, trú tại 0 N, phường Đ, thành phố T vay tổng cộng 02 gói vay thăm với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất từ 109,5%/năm, vượt quá từ 5,475 lần so với mức lãi suất tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự gồm:

Gói thứ nhất: Ngày 13/10/2024, chị N vay của C và H số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày thu 300.000 đồng trong vòng 50 ngày. C và H đã thu trước tiền lãi là: 2.250.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 164.384 đồng số tiền thu lời bất chính: 2.085.616 đồng, chị N trả hết tiền gốc cho C và H trong vòng 20 ngày.

Gói thứ hai: Ngày 02/11/2024, chị N vay tiếp của C và H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày thu 400.000đ tiền gốc trong vòng 50 ngày. C và H đã thu trước tiền lãi là: 3.000.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 547.946 đồng số tiền thu lời

bất chính: 2.452.054 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện thì chị N đã trả được 7.600.000 đồng tiền gốc. Quá trình điều tra chị N đã trả hết tiền gốc của gói vay này cho C và H .

Lê Văn C và Đào Duy H sử dụng tiền của gói vay thứ nhất để cho chị N vay tiếp gói vay thứ hai nên số tiền gốc mà C và H sử dụng cho chị N vay là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu được là 5.250.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định: 712.329 đồng, thu lời bất chính: 4.537.671 đồng.

5. Anh Trần Văn N1, sinh năm 1983, trú tại C P, phường N, thành phố T vay tổng cộng 02 gói vay thăm với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất từ 109,5%/năm, vượt quá từ 5,475 lần so với mức lãi suất tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự gồm:

Gói thứ nhất: Ngày 07/10/2024, anh N1 vay của C và H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày thu 400.000 đồng trong vòng 50 ngày. Anh N1 đã trả cho C và H tổng cộng 23.000.000 đồng, số tiền lãi C và H đã thu được là: 3.000.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 273.973 đồng số tiền thu lời bất chính: 2.762.027 đồng. Đối với gói vay trên, anh N1 trả hết tiền lãi, gốc cho C và H trong vòng 25 ngày.

Gói thứ hai: Ngày 01/11/2024, anh N1 vay tiếp của C và H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày thu 400.000 đồng trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 3.000.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 547.945 đồng, số tiền thu lời bất chính: 2.452.055 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện thì gói vay trên được 8.000.000 đồng tiền gốc của gói vay này. Quá trình điều tra anh N1 đã đã hết tiền gốc cho C và H ở gói vay này.

Lê Văn C và Đào Duy H sử dụng tiền của gói vay thứ nhất để cho anh N1 vay tiếp gói vay thứ hai nên số tiền gốc mà C và H sử dụng cho anh N1 vay là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 6.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định: 821.918 đồng, số tiền thu lời bất chính: 5.178.082 đồng.

6. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1987, trú tại 0 N, phường Đ, thành phố T vay tổng cộng 02 gói vay thăm với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất từ 109,5%/năm, vượt quá từ 5,475 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

Gói thứ nhất: Ngày 15/10/2024, chị H3 vay của C và H số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày thu 300.000 đồng trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 2.250.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định: 410.959 đồng số tiền thu lời bất chính: 1.839.040 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện thì chị H3 mới trả được 11.100.000 tiền gốc của gói vay trên.

Gói thứ hai: Ngày 17/10/2024, chị H3 vay của C và H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày thu 400.000 đồng trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 3.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định: 547.945 đồng số tiền thu lời bất chính: 2.452.055 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện thì chị H3 mới trả được 14.000.000 đồng tiền gốc của gói vay trên.

Ngoài ra, C và H còn cho chị H3 04 gói vay tính lãi theo tháng với lãi suất 90.000 đồng/triệu/tháng tương ứng với lãi suất từ 109,5%/năm, vượt quá từ 5,475 lần so với mức lãi suất tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể:

- Ngày 03/03/2024, chị H3 vay của C và H số tiền 10.000.000 đồng, mỗi tháng thu 900.000 đồng tiền lãi, chị H3 đã đóng cho C được 7 tháng tiền lãi. Đến ngày 03/10/2024 thì chị H3 và C thống nhất không đóng lãi nữa. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 6.300.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định: 1.150.685 đồng số tiền thu lời bất chính: 5.149.315 đồng.

- Ngày 27/04/2024, chị H3 vay tiếp C và H số tiền 10.000.000 đồng, mỗi tháng thu 900.000 đồng, chị H3 đã đóng cho C được 6 tháng tiền lãi. Đến ngày 27/10/2024 thì chị H3 thống nhất không đóng lãi nữa. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 5.400.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 986.301 đồng số tiền thu lời bất chính: 4.413.699 đồng.

- Ngày 06/06/2024, chị H3 vay tiếp C và H số tiền 10.000.000 đồng, mỗi tháng thu 900.000 đồng, chị H3 đã đóng cho C được 4 tháng tiền lãi. Đến ngày 06/10/2024 thì chị H3 thống nhất không đóng lãi nữa. Sổ tiên lãi C và H đã thu được là: 3.600.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 657.534 đồng số tiền thu lời bất chính: 2.942.466 đồng.

- Ngày 25/06/2024, chị H3 vay tiếp C và H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi tháng thu 1.800.000 đồng, chị H3 đã đóng cho C được 4 tháng tiền lãi. Đến ngày 25/10/2024 thì chị H3 thống nhất không đóng lãi nữa. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 7.200.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 1.315.068 đồng số tiền thu lời bất chính: 5.884.932 đồng.

Quá trình điều tra chị H3 đã trả hết toàn bộ số tiền gốc của các gói vay trên cho C và H.

Lê Văn C và Đào Duy H sử dụng số tiền gốc cho chị H3 vay là 85.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 27.750.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định: 5.068.492đ, thu lời bất chính: 22.681.508.

7. Ngày 24/10/2024, Chị Nguyễn Thị T1 – SN 1969, trú tại A N, phường N, thành phố T vay 01 gói vay thăm 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất 109.5%/năm gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, mỗi ngày thu 400.000đ trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 3.000.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định: 547.945đ số tiền thu lời bất chính: 2.452.055đ. Tính đến ngày bị phát hiện thì gói vay trên chị T1 đã trả được 11.200.000đ tiền gốc. Quá trình điều tra chị T1 đã trả hết tiền gốc cho C và H.

8. Ngày 25/06/2024, Chị Lê Thị H4 – SN 1967, trú tại E D, P. Đ, TP . vay 01 gói vay thăm 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày tương ứng với lãi suất 109.5%/năm gấp 5,475 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, mỗi ngày thu 400.000đ trong vòng 50 ngày, chị H4 trả hết tiền lãi, gốc cho C và H trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi C và H đã thu được là: 3.000.000đ, số tiền

lãi được thu theo quy định: 547.945đ số tiền thu lời bất chính: 2.452.055đ. Chị H4 đã trả hết số tiền gốc cho C và H.

Tổng cộng các bị cáo Lê Văn C và Đào Duy H đã sử dụng số tiền gốc là 200.000.000 đồng cho Ngô Linh P, Dương Thị S1, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Thị T1, Lê Thị H4, Nguyễn Thị Hồng N, Lê Thị H3 và Trần Văn N1 vay. Số tiền lãi C và Hải thụ là 63.750.000 đồng; số tiền lãi mà P1 được phép thu là 10.958.902 đồng, số tiền thu lời bất chính là 52.791.098 đồng.

Về phần dân sự: Những người liên quan chị Ngô Linh P, Dương Thị S1, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Thị Hồng N, Trần Văn N1, Lê Thị H3, Nguyễn Thị T1, Lê Thị H4 không yêu cầu C, H trả lại số tiền thu lời bất chính

Cáo trạng số 61/Ctr-VKS ngày 05/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo Lê Văn C và đồng phạm về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo C từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu của bị cáo Lê Văn C để nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 200.000.000 đồng và số tiền lãi trong phạm vi pháp luật cho phép là 10.958.902 đồng. Tổng cộng là: 210.959.902 đồng

+ Tịch thu của bị cáo Đào Duy H để nộp ngân sách nhà nước số tiền 50.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của

pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2024 đến tháng 11/2024, Lê Văn C, Đào Duy H đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với chị Ngô Linh P, Dương Thị S1, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Thị Hồng N, Trần Văn N1, Lê Thị H3, Nguyễn Thị T1, Lê Thị H4 với tổng số tiền 200.000.000đ, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng lãi suất 146%/năm đã vượt quá 7,3 lần so với mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.791.098đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn C và đồng phạm đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Tội danh và khung hình phạt của các bị cáo như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lời bất chính, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết và nhu cầu cần vay tiền của một số cá nhân để cho vay với lãi suất cao. Đây là vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm. Giữa hai bị cáo có sự phân công vai trò chặt chẽ. Trong đó bị cáo C có vai trò chính, đã sử dụng tiền của cá nhân để cho vay, sau đó thuê bị cáo H đi thu nợ của các đối tượng vay. Bị cáo H có vai trò là người thực hành, giúp sức cho bị cáo C.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Năm 2015, bị cáo C đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh T xử 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi ra tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo Đào Duy H phạm tội

lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo và điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có đường lối xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho gia đình, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quy nhà nước. Theo lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa cho thấy mặc dù các bị cáo lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định. Bị cáo C có mức thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng/tháng, bị cáo H có mức thu nhập bình quân là 7.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy cần khấu trừ một phần thu nhập mỗi tháng là 10%, cụ thể khấu trừ của bị cáo C số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, khấu trừ của bị cáo H số tiền là 700.000 đồng/tháng để sung quỹ nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc mà các bị cáo sử dụng để xoay vòng vốn cho vay do đây là tiền sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời tịch thu số tiền lãi trong phạm vi pháp luật cho phép mà các bị cáo đã thu được từ những người liên quan do đây là tiền do phạm tội mà có. Cụ thể số tiền gốc dùng để cho vay là 200.000.000 đồng và số tiền lãi trong phạm vi pháp luật cho phép là 10.958.902 đồng. Tổng cộng là: 210.959.902 đồng. Toàn bộ số tiền này bị cáo C đang giữ nên buộc bị cáo C phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo H được trả lương mỗi tháng để đi thu nợ hộ, đây là tiền do phạm tội mà có. Đến ngày bị ngăn chặn, H đã nhận được 10 tháng tiền lương, nên cần tịch thu của bị cáo H tổng cộng là 50.000.000 đồng.

[8] Về dân sự: Do những người liên quan không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn C;

Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Duy H;

Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn C và bị cáo Đào Duy H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt Lê Văn C 22 (hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 21/11/2024 đến ngày 29/11/2024), quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 21 tháng 03 ngày cảm tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo C số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ tháng, trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt Đào Duy H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 21/11/2024 đến ngày 29/11/2024), quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cảm tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo H số tiền là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng)/ tháng, trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách Nhà nước.

*Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:*

+ Truy thu từ bị cáo Lê Văn C để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 200.000.000 đồng và số tiền lãi trong phạm vi pháp luật cho phép là 10.958.902 đồng. Tổng cộng là: 210.959.902 đồng (Hai trăm mười triệu chín trăm năm chín nghìn chín trăm lẻ hai đồng)

+ Tịch thu từ bị cáo Đào Duy H để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền H được trả công để đi thu nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Về phần dân sự: Do những người liên quan không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết công khai) bản án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Linh**